ĐỘNG LỰC HỌC NGOẠI NGỮ TRONG KỶ NGUYÊN TRÍ TUỆ NHÂN TẠO: TỪ CÁC LÝ THUYẾT TRUYỀN THỐNG ĐẾN KHUNG KHÁI NIỆM VỀ ĐỘNG LỰC HỌC TIẾNG ANH BỀN VỮNG

Nguyễn Minh Hạnh
Khoa Ngôn ngữ và Văn hoá Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN

Tóm tắt: *Động lực học ngoại ngữ là chủ đề quan trọng trong nghiên cứu tiếp thu ngôn ngữ thứ hai. Sự phát triển của Generative AI đang làm thay đổi môi trường học tập, đặt ra yêu cầu xem xét lại các lý thuyết động lực truyền thống. Trên cơ sở phân tích Mô hình Giáo dục Xã hội của Gardner, Thuyết Tự quyết, Hệ thống Bản ngã Động lực L2 và Học tập tự điều chỉnh, bài viết chỉ ra những hạn chế của các lý thuyết này trong bối cảnh AI. Từ đó, nghiên cứu đề xuất khái niệm Động lực học tiếng Anh bền vững (Sustainable English Learning Motivation) và khung khái niệm gồm bốn nhóm yếu tố: nền tảng động lực cá nhân, cơ chế duy trì động lực, năng lực học tập trong môi trường AI và kết quả động lực. Khung này góp phần mở rộng nghiên cứu động lực và làm cơ sở cho các nghiên cứu thực nghiệm tiếp theo.*

Từ khóa: *động lực học ngoại ngữ; động lực học tiếng Anh bền vững; trí tuệ nhân tạo; Self-Regulated Learning; Self-Determination Theory; L2 Motivational Self System.*

FOREIGN LANGUAGE LEARNING MOTIVATION IN THE AGE OF ARTIFICIAL INTELLIGENCE: FROM TRADITIONAL THEORIES TO A CONCEPTUAL FRAMEWORK OF SUSTAINABLE ENGLISH LEARNING MOTIVATION

Abstract: *Foreign language learning motivation is a significant topic in second language acquisition research. The rise of Generative AI is transforming the learning environment, necessitating a re-examination of traditional motivational theories. By analyzing Gardner's Socio-Educational Model, Self-Determination Theory, the L2 Motivational Self System, and Self-Regulated Learning, this paper identifies the limitations of these theories within the context of AI. Consequently, the study proposes the concept of "Sustainable English Learning Motivation" and a conceptual framework comprising four factor groups: individual motivational foundations, motivation maintenance mechanisms, learning competencies in AI environments, and motivational outcomes. This framework contributes to expanding research on motivation and serves as a basis for future empirical studies.*

Keywords: *foreign language learning motivation; sustainable English learning motivation; generative artificial intelligence; self-regulated learning; self-determination theory; L2 Motivational Self System.*

Nhận bài: 05/07/2026 Phản biện: 06/08/2026 Duyệt đăng: 10/08/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong hơn bốn thập kỷ qua, động lực học tập được xem là một trong những yếu tố quan trọng nhất quyết định thành công trong học ngoại ngữ. Nhiều nghiên cứu đã chứng minh rằng động lực không chỉ ảnh hưởng đến mức độ tham gia học tập mà còn tác động đến tính kiên trì, khả năng tự điều chỉnh và kết quả học tập của người học. Tuy nhiên, khi trí tuệ nhân tạo tạo sinh (Generative AI) trở thành một phần của môi trường học tập, một nghịch lý mới xuất hiện: người học có nhiều công cụ hỗ trợ hơn bao giờ hết nhưng điều đó không đồng nghĩa với việc họ duy trì được động lực học tập trong dài hạn. AI có thể giúp người học hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn, song chưa chắc giúp họ kiên trì theo đuổi mục tiêu học ngoại ngữ trong nhiều năm. Nghịch lý này đặt ra yêu cầu phải xem xét lại cách chúng ta hiểu và nghiên cứu động lực học ngoại ngữ trong kỷ nguyên AI.

Trí tuệ nhân tạo tạo sinh đang làm thay đổi sâu sắc giáo dục đại học nói chung và giảng dạy ngoại ngữ nói riêng. Các công cụ như ChatGPT, Gemini hay Claude không chỉ hỗ trợ tra cứu thông tin mà còn đóng vai trò như một "người đồng hành học tập" thông qua việc cung cấp phản hồi tức thời, cá nhân hóa hoạt động học tập, hỗ trợ luyện tập kỹ năng ngôn ngữ và thúc đẩy tự học. Những thay đổi này đang làm biến đổi cách người học tiếp cận, thực hành và duy trì việc học ngoại ngữ.

Mặc dù các lý thuyết về động lực học ngoại ngữ đã được phát triển và kiểm chứng trong nhiều thập kỷ, phần lớn các mô hình này được xây dựng trong bối cảnh người học chủ yếu tương tác với giáo viên, bạn học và tài liệu truyền thống. Trong môi trường học tập có sự hỗ trợ của AI, người học có thể nhận phản hồi tức thời, học tập cá nhân hóa và tự điều chỉnh quá trình học tập ở mức độ chưa từng có. Những thay đổi này đặt ra câu hỏi liệu các lý thuyết động lực hiện có còn đủ để giải thích hành vi học tập trong bối cảnh mới hay không.

Tại Việt Nam, các nghiên cứu về AI trong giảng dạy ngoại ngữ chủ yếu tập trung vào hiệu quả sử dụng AI đối với kỹ năng viết, nói hoặc từ vựng.

Trong khi đó, những nghiên cứu xem xét sự thay đổi của động lực học ngoại ngữ trong bối cảnh AI còn rất hạn chế. Đặc biệt, khái niệm động lực học tiếng Anh bền vững chưa được nghiên cứu và làm rõ một cách hệ thống.

Bài báo này không nhằm đánh giá AI tốt hay xấu, mà xem xét liệu chúng ta có cần tái diễn giải (reframe) các lý thuyết động lực hay không. Do đó, Bài viết này sẽ đề cập đến ba vấn đề. Thứ nhất, hệ thống hóa quá trình phát triển của các lý thuyết động lực học ngoại ngữ từ góc nhìn lịch sử và học thuật. Thứ hai, chỉ ra những giới hạn của các lý thuyết hiện có khi áp dụng vào môi trường học tập có sự hỗ trợ của AI. Thứ ba, đề xuất một hướng tiếp cận khái niệm về động lực học tiếng Anh bền vững, làm nền tảng cho các nghiên cứu thực nghiệm và xây dựng mô hình lý thuyết trong tương lai.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Động lực học tập trong nghiên cứu học ngoại ngữ: Quá trình hình thành và phát triển

2.1.1. Giai đoạn khởi nguồn: Động lực như thái độ đối với ngôn ngữ và cộng đồng ngôn ngữ (1959–1985)

Nghiên cứu động lực học ngoại ngữ bắt đầu từ cuối những năm 1950 tại Canada, gắn với các công trình của Gardner và Lambert. Động lực ban đầu được nhìn nhận dưới góc độ tâm lý học xã hội, nhấn mạnh thái độ của người học đối với ngôn ngữ và cộng đồng sử dụng ngôn ngữ đích. Hai định hướng chính được xác định là định hướng hòa nhập và định hướng công cụ.

Gardner tiếp tục phát triển Mô hình Giáo dục Xã hội, trong đó động lực chịu ảnh hưởng của xu hướng hòa nhập, thái độ đối với môi trường học tập và mức độ nỗ lực của người học, từ đó tác động đến kết quả học ngoại ngữ. Mô hình và công cụ AMTB đã đặt nền móng cho nhiều nghiên cứu động lực sau này. Tuy nhiên, mô hình còn hạn chế khi áp dụng vào các bối cảnh như Việt Nam và chưa đề cập đầy đủ đến tự điều chỉnh, bản sắc người học, môi trường số và AI.

2.1.2. Giai đoạn tâm lý học nhận thức (1985–2000)

Từ giữa những năm 1980, nghiên cứu chuyển từ yếu tố xã hội sang các quá trình nhận thức và tâm lý bên trong người học. Các lý thuyết về kỳ vọng, mục tiêu, quy kết và tự hiệu quả nhấn mạnh vai trò của niềm tin, mục tiêu và nhận thức cá nhân trong việc hình thành và duy trì động lực.

2.1.3. Giai đoạn Thuyết tự quyết (2000–2010)

Self-Determination Theory (SDT) của Deci và Ryan xem động lực bền vững dựa trên ba nhu cầu tâm lý cơ bản: tự chủ, năng lực và gắn kết. Khi các nhu cầu này được đáp ứng, người học có xu hướng tăng động lực nội tại, tích cực và kiên trì hơn. SDT chuyển trọng tâm từ "học vì điều gì" sang "điều kiện nào giúp duy trì động lực lâu dài", đồng thời có giá trị trong nghiên cứu học tập số và AI.

2.1.4. Giai đoạn Hệ thống Bản ngã Động lực Ngôn ngữ thứ hai

Dörnyei phát triển L2 Motivational Self System (L2MSS), nhấn mạnh hình ảnh bản thân trong tương lai. Mô hình gồm ba thành tố: Ideal L2 Self, Ought-to L2 Self và L2 Learning Experience. Cách tiếp cận này chuyển trọng tâm từ thái độ đối với cộng đồng ngôn ngữ sang hình ảnh bản thân tương lai như một nguồn thúc đẩy động lực học ngoại ngữ.

2.1.5. Giai đoạn Học tập tự điều chỉnh

Self-Regulated Learning (SRL) nhấn mạnh vai trò chủ động của người học trong xác lập mục tiêu, lựa chọn chiến lược, theo dõi và điều chỉnh quá trình học tập. Trong môi trường AI, SRL càng quan trọng vì AI có thể hỗ trợ cá nhân hóa, phản hồi và quản lý tiến độ, nhưng hiệu quả vẫn phụ thuộc vào khả năng tự điều chỉnh và sử dụng công nghệ của người học.

2.1.6. Giai đoạn AI

Sự phát triển của AI tạo sinh (Generative AI) từ đầu những năm 2020 đã tạo ra những thay đổi đáng kể trong dạy và học ngoại ngữ. AI không chỉ cung cấp thông tin mà còn có khả năng tương tác, phản hồi tức thời và cá nhân hóa việc học, qua đó tác động đến vai trò giáo viên, cách tiếp cận tài liệu và hoạt động tự học của người học.

Các lý thuyết động lực như Gardner, SDT, L2 Motivational Self System và SRL vẫn giữ giá trị nền tảng nhưng được xây dựng trước khi AI trở thành thành tố phổ biến của môi trường học tập, nên chưa giải thích đầy đủ tác động của AI đến động lực học ngoại ngữ. Vì vậy, cần mở rộng các khung lý thuyết hiện có để lý giải cách động lực được hình thành, duy trì và phát triển trong môi trường học tập số có AI hỗ trợ.

2.2. Từ động lực truyền thống đến động lực học tiếng Anh bền vững: Một khung tiếp cận mới

2.2.1.Sustainable motivation là gì

(a) Trước hết, cần làm rõ rằng khái niệm sustainability trong giáo dục không đơn thuần được hiểu là sự kéo dài về mặt thời gian, mà nhấn mạnh khả năng duy trì, thích ứng và phát triển liên tục của quá trình học tập trước những thay

đổi của môi trường. Trong bối cảnh giáo dục hiện đại, học tập bền vững không chỉ hướng đến việc đạt được kết quả trước mắt mà còn chú trọng xây dựng năng lực học tập suốt đời, khả năng tự điều chỉnh và thích ứng với sự phát triển không ngừng của tri thức và công nghệ.

(b) Chuyển sang động lực. Từ góc nhìn đó, động lực học tập cũng cần được nhìn nhận theo hướng rộng hơn. Các nghiên cứu truyền thống thường xem động lực là yếu tố thúc đẩy người học bắt đầu hoặc duy trì hoạt động học tập trong một khoảng thời gian nhất định. Tuy nhiên, trong môi trường học tập được AI hỗ trợ, nơi người học liên tục tiếp cận với nguồn tri thức mới, phản hồi tức thời và các công cụ học tập thông minh, yêu cầu đặt ra không chỉ là có động lực để học mà còn là khả năng duy trì, điều chỉnh và tái tạo động lực trong suốt quá trình học tập.

(c) Đề xuất định nghĩa. Từ những phân tích trên, bài báo đề xuất hiểu Sustainable English Learning Motivation là trạng thái động lực có khả năng được duy trì, thích ứng và phát triển trong dài hạn, giúp người học chủ động theo đuổi mục tiêu học tiếng Anh thông qua quá trình tự điều chỉnh, khai thác hiệu quả các nguồn lực học tập, bao gồm cả công nghệ AI, đồng thời vẫn duy trì được ý nghĩa, hứng thú và cam kết đối với việc học ngoại ngữ.

(d) Phân biệt với động lực truyền thống. Khác với cách tiếp cận truyền thống vốn tập trung vào cường độ hoặc loại hình động lực tại một thời điểm, khái niệm này nhấn mạnh tính động (dynamic), tính thích ứng (adaptive) và khả năng duy trì lâu dài (sustainability) của động lực trong bối cảnh học tập luôn biến đổi. Theo cách hiểu này, AI không phải là nguồn tạo ra động lực, mà là một thành tố của hệ sinh thái học tập có thể hỗ trợ hoặc cản trở việc duy trì động lực, tùy thuộc vào cách người học sử dụng và tích hợp AI vào quá trình học tập.

2.2.2. Những khoảng trống của các lý thuyết động lực học ngoại ngữ trong kỷ nguyên AI

Mặc dù các lý thuyết động lực học ngoại ngữ đã có những đóng góp quan trọng trong việc giải thích quá trình hình thành và duy trì động lực của người học, phần lớn các khuôn khổ này được xây dựng trong bối cảnh giáo dục truyền thống, khi trí tuệ nhân tạo chưa trở thành một thành tố của môi trường học tập. Sự xuất hiện của AI tạo sinh đã làm thay đổi đáng kể cách người học tiếp cận tri thức, thực hiện nhiệm vụ học tập và tương tác với môi trường học ngoại ngữ. Điều này đặt ra yêu cầu xem xét lại khả năng giải thích của các lý thuyết hiện hành.

Thứ nhất, các lý thuyết truyền thống chủ yếu giải thích nguồn gốc của động lực, nhưng chưa làm rõ cách động lực được duy trì trong môi trường học tập số có sự hỗ trợ liên tục của AI. Mô hình Giáo dục – Xã hội của Gardner nhấn mạnh vai trò của thái độ và định hướng học ngoại ngữ; Thuyết Tự quyết tập trung vào việc thỏa mãn các nhu cầu tâm lý cơ bản; trong khi L2 Motivational Self System coi hình ảnh bản thân trong tương lai là động lực thúc đẩy học tập. Tuy nhiên, các lý thuyết này chưa xem xét tác động của những công cụ AI có khả năng thay đổi liên tục trải nghiệm học tập và hành vi của người học.

Thứ hai, hầu hết các lý thuyết đều xem công nghệ như một điều kiện của môi trường học tập, chứ chưa coi AI là một tác nhân tương tác có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến động lực. Khác với các công nghệ giáo dục truyền thống, AI tạo sinh có thể cung cấp phản hồi tức thời, cá nhân hóa nội dung học tập, điều chỉnh mức độ khó của nhiệm vụ và đóng vai trò như một "đối tác học tập". Sự tương tác liên tục giữa người học và AI có thể vừa củng cố vừa làm suy giảm động lực, tùy thuộc vào cách người học sử dụng công nghệ. Khía cạnh này chưa được phản ánh đầy đủ trong các mô hình động lực hiện có.

Thứ ba, các lý thuyết trước đây chưa chú ý đầy đủ đến năng lực sử dụng AI như một thành tố của động lực học tập. Trong bối cảnh mới, việc người học có khả năng khai thác AI một cách hiệu quả không chỉ ảnh hưởng đến kết quả học tập mà còn tác động đến cảm nhận về năng lực bản thân, mức độ tự chủ và khả năng tự điều chỉnh. Do đó, năng lực sử dụng AI không chỉ là kỹ năng công nghệ mà còn trở thành một yếu tố góp phần duy trì động lực học tập trong dài hạn.

Thứ tư, các nghiên cứu truyền thống chủ yếu quan tâm đến mức độ động lực tại một thời điểm, trong khi môi trường học tập có AI đòi hỏi phải xem xét khả năng duy trì động lực theo thời gian. AI có thể giúp người học hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn, nhưng cũng có thể làm giảm sự nỗ lực nhận thức nếu người học phụ thuộc quá mức vào công nghệ. Vì vậy, động lực không chỉ cần được hiểu là trạng thái thúc đẩy hành động mà còn phải được xem như một quá trình thích ứng liên tục, trong đó người học duy trì sự cam kết học tập bất chấp những thay đổi của môi trường công nghệ.

Cuối cùng, các lý thuyết hiện hành mới chỉ giải thích từng khía cạnh riêng lẻ của động lực mà chưa có một khuôn khổ tích hợp phản ánh đầy đủ mối quan hệ giữa các yếu tố tâm lý, năng lực tự điều chỉnh và khả năng khai thác AI. Trong bối cảnh AI ngày càng trở thành một phần không thể tách rời của quá trình học ngoại ngữ, cần có một cách tiếp cận toàn diện hơn để giải thích sự hình thành và phát triển của động lực học tập.

Từ những khoảng trống trên, bài viết đề xuất khái niệm Động lực học tiếng Anh bền vững (Sustainable English Learning Motivation) như một khuôn khổ lý thuyết nhằm tích hợp những đóng góp của các lý thuyết động lực trước đây với những đặc điểm của môi trường học tập được hỗ trợ bởi AI. Khái niệm này nhấn mạnh không chỉ việc hình thành động lực mà còn khả năng duy trì, thích ứng và phát triển động lực trong dài hạn thông qua sự kết hợp giữa động lực nội tại, năng lực tự điều chỉnh và khả năng khai thác hiệu quả các nguồn lực AI.

2.3. Đề xuất khung khái niệm

2.3.1. Nguyên tắc xây dựng khung khái niệm

Khung khái niệm về động lực học tiếng Anh bền vững trong môi trường học tập được hỗ trợ bởi AI được đề xuất trong nghiên cứu này không nhằm thay thế các lý thuyết động lực truyền thống, mà hướng tới việc tích hợp và mở rộng những giá trị cốt lõi của các cách tiếp cận trước đây trong một bối cảnh giáo dục mới. Mặc dù được xây dựng trong những giai đoạn lịch sử khác nhau, các lý thuyết về động lực học ngoại ngữ đều cung cấp những góc nhìn quan trọng về cách người học hình thành, duy trì và phát triển động lực. Cụ thể, mô hình của Gardner nhấn mạnh vai trò của các yếu tố xã hội, đặc biệt là thái độ đối với ngôn ngữ đích và ý nghĩa của việc tham gia vào cộng đồng ngôn ngữ; Self-Determination Theory (SDT) của Deci và Ryan làm rõ vai trò của các nhu cầu tâm lý cơ bản bao gồm tính tự chủ, năng lực và sự gắn kết trong việc hình thành động lực chất lượng cao; L2 Motivational Self System của Dörnyei mở rộng cách hiểu về động lực thông qua hình ảnh bản thân trong tương lai của người học; trong khi các nghiên cứu về Self-Regulated Learning (SRL) nhấn mạnh vai trò chủ động của người học trong việc thiết lập mục tiêu, lựa chọn chiến lược và điều chỉnh quá trình học tập. Mặt khác, sự xuất hiện của các môi trường học tập có sự hỗ trợ của trí tuệ nhân tạo đã bổ sung một chiều cạnh mới, trong đó công nghệ không chỉ là công cụ hỗ trợ mà còn trở thành một thành tố của hệ sinh thái học tập, ảnh hưởng đến cách người học tiếp cận tri thức, nhận phản hồi và tổ chức hoạt động học tập. Vì vậy, một khung khái niệm về động lực học tiếng Anh bền vững trong kỷ nguyên AI cần được xây dựng trên sự tương tác giữa các yếu tố tâm lý cá nhân, năng lực tự điều chỉnh, trải nghiệm học tập và khả năng khai thác hiệu quả các nguồn lực công nghệ, nhằm giải thích cách người học duy trì và phát triển động lực trong một môi trường học tập liên tục biến đổi.

2.3.2. Cấu trúc khung khái niệm đề xuất

Nhóm thứ nhất, nền tảng động lực cá nhân (Motivational Foundations), bao gồm Ideal English Self và Autonomous Motivation. Ideal English Self, xuất phát từ L2 Motivational Self System của Dörnyei, đề cập đến hình ảnh bản thân trong tương lai mà người học mong muốn đạt được khi có khả năng sử dụng tiếng Anh hiệu quả. Trong khi đó, Autonomous Motivation, dựa trên Self-Determination Theory của Deci và Ryan, nhấn mạnh việc người học tham gia vào quá trình học tập xuất phát từ nhận thức về giá trị, sự hứng thú và ý nghĩa cá nhân của việc học tiếng Anh, thay vì chỉ dựa trên áp lực bên ngoài.

Nhóm thứ hai, các cơ chế duy trì động lực (Motivation Sustainability Mechanisms), tập trung vào những năng lực giúp người học duy trì sự tham gia học tập trong dài hạn, bao gồm Self-Regulated Learning và Learning Resilience. Self-Regulated Learning phản ánh khả năng chủ động quản lý quá trình học thông qua việc xác định mục tiêu, lập kế hoạch, theo dõi tiến trình và điều chỉnh chiến lược học tập khi cần thiết. Hơn nữa, Learning Resilience đề cập đến khả năng duy trì nỗ lực, vượt qua khó khăn và phục hồi động lực khi người học gặp thất bại, trở ngại hoặc sự suy giảm hứng thú trong quá trình học tiếng Anh. Đây được xem là nhóm yếu tố quan trọng giúp chuyển đổi động lực ban đầu thành sự cam kết học tập bền vững.

Nhóm thứ ba, năng lực tương tác với môi trường học tập có AI hỗ trợ (AI-mediated Learning Competencies), đại diện cho chiều cạnh mới trong bối cảnh giáo dục hiện nay. Nhóm này bao gồm AI Literacy và AI-supported Learning Engagement. AI Literacy không chỉ đơn thuần là khả năng sử dụng các công cụ AI mà còn bao gồm hiểu biết về khả năng và giới hạn của AI, khả năng xây dựng yêu cầu hiệu quả, đánh giá chất lượng phản hồi và sử dụng AI một cách có

trách nhiệm, phù hợp với các nguyên tắc đạo đức học thuật. Trong khi đó, AI-supported Learning Engagement phản ánh mức độ người học tích hợp AI vào hoạt động học tập, chẳng hạn như luyện tập ngôn ngữ, nhận phản hồi cá nhân hóa, phát triển tài liệu học tập và hỗ trợ quá trình tự học ngoài lớp học.

Cuối cùng, nhóm thứ tư là kết quả của động lực bền vững (Outcomes), được thể hiện thông qua Sustainable English Learning Motivation. Khái niệm này không chỉ đề cập đến mức độ mong muốn học tiếng Anh tại một thời điểm nhất định, mà nhấn mạnh khả năng duy trì, thích ứng và phát triển động lực trong dài hạn. Động lực học tiếng Anh bền vững được thể hiện qua sự kiên trì trong học tập, xu hướng chủ động mở rộng hoạt động học ngoài lớp học, khả năng thích nghi với những thay đổi của môi trường học tập và cam kết liên tục phát triển năng lực tiếng Anh. Như vậy, khung khái niệm đề xuất xem động lực bền vững là kết quả của sự tương tác giữa các yếu tố tâm lý cá nhân, năng lực tự điều chỉnh và khả năng khai thác hiệu quả các nguồn lực công nghệ trong môi trường học tập hiện đại.

III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu động lực học ngoại ngữ đã chuyển từ cách tiếp cận xã hội – thái độ sang chú trọng nhu cầu tâm lý, bản sắc và khả năng tự điều chỉnh. Sự phát triển của AI tạo sinh đặt ra yêu cầu xem xét lại động lực học ngoại ngữ trong môi trường học tập cá nhân hóa và được hỗ trợ công nghệ.

Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất khái niệm động lực học tiếng Anh bền vững (Sustainable English Learning Motivation), tích hợp các yếu tố xã hội, nhu cầu tâm lý, hình ảnh bản thân tương lai, tự điều chỉnh và khả năng khai thác AI. Khung này nhằm giải thích quá trình hình thành và duy trì động lực học tiếng Anh trong môi trường AI.

Các nghiên cứu tiếp theo cần kiểm định khung lý thuyết trong các bối cảnh khác nhau, đặc biệt tại Việt Nam; đồng thời phát triển thang đo và sử dụng các phương pháp định lượng, SEM để làm rõ mối quan hệ giữa năng lực sử dụng AI, tự điều chỉnh, bản sắc ngôn ngữ và động lực học tập.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Dörnyei, Z. (2009). The L2 motivational self system. In Z. Dörnyei & E. Ushioda (Eds.), Motivation, language identity and the L2 self(pp. 9–42). Multilingual Matters.

Dörnyei, Z., & Ushioda, E. (Eds.). (2009). Motivation, language identity and the L2 self. Multilingual Matters.

Gardner, R. C. (1985). Social psychology and second language learning: The role of attitudes and motivation. Edward Arnold.

Kasneci, E., Sessler, K., Küchemann, S., Bannert, M., Dementieva, D., Fischer, F., … Kasneci, G. (2023). ChatGPT for good? On opportunities and challenges of large language models for education. Learning and Individual Differences, 103, Article 102274.

Ryan, R. M., & Deci, E. L. (2020). Intrinsic and extrinsic motivation from a self-determination theory perspective: Definitions, theory, practices, and future directions. Contemporary Educational Psychology, 61, Article 101860.

Zimmerman, B. J. (2002). Becoming a self-regulated learner: An overview. Theory Into Practice, 41(2), 64–70.